

60 NĂM QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO (1962 - 2022): NHÌN LẠI MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ HỢP TÁC KINH TẾ VÀ THÁCH THỨC ĐANG ĐẶT RA

TRƯƠNG DUY HÒA*

Tóm tắt: Cho đến năm 2022, Việt Nam và Lào đã có lịch sử tròn 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (1962 - 2022) và cũng trải qua 45 năm kể từ khi hai nước ký kết Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1977 - 2022). Vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, hai nước đã xây dựng mối quan hệ song phương thắm đẫm tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong quan hệ chính trị ngoại giao và hợp tác kinh tế. Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích mang tính lịch sử được soi chiếu bởi các số liệu từ nhiều nguồn, bài viết tập trung nhìn lại một số kết quả chủ yếu trong quan hệ thương mại, hợp tác đầu tư và viện trợ kinh tế giữa Việt Nam và Lào suốt nhiều năm qua. Trên cơ sở đó, tác giả đề cập tới một số thách thức chủ yếu và gợi ý các giải pháp đi kèm trong hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Từ khóa: Quan hệ Việt Nam - Lào; Hợp tác kinh tế Việt - Lào; Thương mại, Đầu tư, Viện trợ.

Mở đầu

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng gần gũi có quan hệ truyền thống, hữu nghị từ lâu đời. Mối quan hệ này càng thêm gắn bó khăng khít và trở thành mối quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt kể từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương - tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ngày nay - ra đời ngày 03/02/1930 để lãnh đạo phong trào cách

mạng chống thực dân Pháp xâm lược ở cả hai nước. Thành quả to lớn của liên minh chiến đấu đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã ghi dấu ấn chói lọi trong lịch sử chống ngoại xâm của hai nước.

Tháng 07/1962, trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ và tay sai ở Việt Nam và Lào đang diễn biến phức tạp,

* TS. Trương Duy Hòa, Nghiên cứu viên Cao cấp, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Hiệp định quốc tế Giơnevơ (Thụy Sĩ) về Lào đã được ký kết⁽¹⁾. Đây là nhân tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho hai nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Vương quốc Lào thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào ngày 05/09/1962. Cũng từ đó, vận mệnh hai nước lại càng gắn bó với nhau trong cuộc kháng chiến lâu dài chống Mỹ xâm lược vì độc lập, tự do và thống nhất cho mỗi nước. Năm 1975, Việt Nam và Lào đều giành được độc lập và thống nhất hoàn toàn. Ở Lào, cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đã giành thắng lợi trọn vẹn được đánh dấu bởi sự ra đời của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào ngày 02/12/1975. Từ đây, cả Việt Nam và Lào đều bước sang một kỷ nguyên mới độc lập tự do trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo định hướng mà hai nước đã lựa chọn. Tiếp đó, sự kiện Chính phủ hai nước ký kết Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác ngày 18/07/1977 tại thủ đô Vientiane đã đặt nền móng pháp lý vững chắc cho hai bên tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước trên mọi lĩnh vực.

Cho đến nay, sau 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1962 - 2022) và 45 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác giữa Việt Nam và Lào (1977 - 2022), quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào được cả hai bên không ngừng vun đắp và bảo vệ. Mỗi quan hệ đặc biệt này đã trở thành di sản quý báu và thiêng liêng đối với hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước. Trong tổng thể mối quan hệ gắn bó hai nước, quan hệ thương mại, đầu tư và viện trợ giữa Việt Nam và Lào đóng vai trò rất quan trọng trong hợp tác song phương. Đó là những lĩnh vực đạt được nhiều kết

quả hợp tác tốt đẹp nhưng cũng đang đối mặt với không ít thách thức. Đây cũng chính là nội dung trọng tâm mà chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này nhân dịp kỷ niệm tròn 60 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào và 45 năm thực hiện nội dung Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác giữa hai nước.

1. Quan hệ thương mại Việt Nam - Lào

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng có chung đường biên giới dài hơn 2.337 km⁽²⁾ chạy qua địa giới hành chính 10 tỉnh của mỗi bên suốt từ bắc chí nam⁽³⁾. Đây là cơ sở và điều kiện rất thuận lợi để hai nước tăng cường hợp tác về thương mại. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu từ 1962 đến 1975, do điều kiện khốc liệt của chiến tranh chống Mỹ, trao đổi thương mại chính thức giữa hai nước rất khó thực hiện nên hình thức buôn bán chủ yếu lúc này là do cư dân hai bên dọc đường biên tiến hành bằng hình thức trao đổi hàng hóa trực tiếp với nhau.

Sau khi nước CHDCND Lào ra đời (12/1975), đặc biệt từ khi Việt Nam và Lào ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (18/07/1977), quan hệ thương mại giữa hai nước bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Tuy vậy, trong suốt những năm từ 1976 đến 1990, hai nhà nước Việt Nam và Lào thường ký các *Hiệp định thương mại 5 năm* và các *Nghị định thư trao đổi thương mại hàng năm* để tạo hành lang pháp lý chính thức cho trao đổi hàng hóa giữa hai nước.

Tháng 2/1991, *Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào thời kỳ 1991-1995* được ký kết đã chấm dứt hình thức ký Nghị định thư trao đổi hàng hóa hàng năm, xóa bỏ tình trạng bao cấp để mở ra thời kỳ mới

trong quan hệ thương mại song phương Việt - Lào dựa trên lợi ích và lợi thế so sánh của mỗi nước. Tuy vậy, kim ngạch thương mại hai chiều hàng năm giữa hai nước lúc bấy giờ còn nhỏ bé và nghèo nàn, chỉ đạt khoảng 45 triệu USD năm 1991 và hơn 80 triệu USD năm 1995. Trong những năm 1996-1999, bằng các biện pháp tích cực “hàng đổi hàng” và giới thiệu sản phẩm hàng hóa của mỗi bên qua các hội chợ triển lãm hàng hóa giữa hai nước, kim ngạch thương mại song phương đã nhanh chóng tăng lên 188 triệu USD năm 1996, rồi đạt tới 295 triệu USD năm 1999⁽⁴⁾.

Bước sang thế kỷ XXI, buôn bán hai chiều Việt Nam - Lào mới thực sự khởi sắc. Trong các năm 2000 - 2005, kim ngạch thương mại hai chiều Việt - Lào đạt 857,9 triệu USD, trung bình mỗi năm hơn 142,98 triệu USD; trong đó phần lớn Lào xuất siêu sang Việt Nam⁽⁵⁾. Từ 2006 đến 2010, buôn bán giữa hai bên tăng gấp 2,26 lần so với giai đoạn 2000 - 2005 và đạt 1.939,70 triệu USD, bình quân mỗi năm đạt 387,94 triệu USD. Ở giai đoạn này, cán cân xuất siêu cũng nghiêng về phía Lào, thậm chí đạt giá trị khá lớn với 101,6 triệu USD năm 2007 và 118,4 triệu USD năm 2008⁽⁶⁾. Trong những năm từ 2010 đến

2015, thương mại giữa hai nước cũng được đặc trưng bởi xuất siêu của Lào sang Việt Nam, thậm chí hai năm 2013 và 2014 chênh lệch xuất khẩu của Lào so với Việt Nam đạt con số khá ấn tượng theo năm tương ứng là 245,38 triệu USD và 318,10 triệu USD⁽⁷⁾ (Xem Bảng 1).

Một đặc điểm khá nổi bật là càng về sau, quan hệ thương mại giữa hai nước càng được thúc đẩy bởi nhiều biện pháp mới như cùng nhau tổ chức Hội chợ thương mại Việt Nam - Lào, tiến hành Hội nghị giao thương hai bên hàng năm ở Thủ đô Viêng Chăn và một số địa phương khác của Lào. Ngoài ra, việc ưu đãi thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại biên giới cũng góp phần không nhỏ trong việc giúp nâng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước gia tăng. Những biện pháp và sáng kiến trên đây đã góp phần làm tăng kim ngạch thương mại song phương đạt trên 1 tỷ USD trong 3 năm liên tiếp từ 2013 đến 2015 (Xem Bảng 1.). Đây là những tiến bộ rất khả quan, tạo điều kiện thúc đẩy hơn nữa cho sản xuất hàng hóa ở cả hai nước.

Giai đoạn từ 2016 đến 2022, thương mại hai chiều Việt - Lào càng được tăng cường sau khi hai bên đã hoàn tất đàm

Bảng 1. Kim ngạch thương mại Việt - Lào giai đoạn 2011 - 2015 (triệu USD):

Năm	Tổng kim ngạch	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Chênh lệch XNK
2010	491,70	200,00	291,70	- 91,70
2011	746,60	286,60	460,00	- 173,40
2012	883,50	432,60	450,90	- 18,30
2013	1.091,90	423,32	668,70	- 245,38
2014	1.286,10	484,00	802,10	- 318,10
2015	1.111,62	523,30	588,32	- 65,02
2010-2015	5.611,42	2.349,82	3.261,72	

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2022.

Bảng số liệu được tổng hợp từ <https://infographics.vn/interactive-kim-ngach-thuong-mai-song-phuong-viet-nam-lao/73961.vna>; truy cập ngày 12/09/2022.

phán và ký kết hai Hiệp định quan trọng: *Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Lào*⁽⁸⁾ (ký ngày 3/3/2015) và *Hiệp định Thương mại Biên giới Việt Nam - Lào*⁽⁹⁾ (ký ngày 27/6/2015) nhằm từng bước thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước hướng vào trọng tâm, trọng điểm và mang tính dài hạn. Điều đáng chú ý là, *Hiệp định Thương mại song phương Việt - Lào* lần này (thay thế cho bản Hiệp định ký năm 1998) đã tích hợp khá đầy đủ nội dung Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương Việt Nam - Lào hàng năm để đảm bảo tính ổn định và bền vững của các cam kết ưu đãi thương mại giữa hai nước; trong đó thay vì gia hạn hàng năm thì từ nay tự động gia hạn trong thời gian 5 năm nếu hai bên không có ý kiến khác thông báo cho nhau bằng văn bản. Như vậy, Hiệp định này được coi là một công cụ hữu hiệu để thực hiện mong muốn của hai bên nhằm thúc đẩy, tăng cường hợp tác kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hai nước tiếp cận với mức ưu đãi thuế quan đặc biệt từ 0% - 5% đối với trên 95% các dòng thuế hàng hóa so với mức thuế của Hiệp định Thương mại hàng hóa (ATIGA) trong ASEAN. Còn *Hiệp định Thương mại biên giới Việt - Lào* được hai bên ký tháng 6/2016 thì

chú trọng tạo điều kiện hơn nữa cho hoạt động thương mại của doanh nghiệp hai nước tại khu vực biên giới, tập trung thúc đẩy xây dựng và phát triển các cửa khẩu biên giới hai nước thành các cửa ngõ và cầu nối trung chuyển hàng hóa giữa hai nước và các nước trong khu vực với nhau.

Trong các năm từ 2016 đến 2020, buôn bán giữa hai nước được đặc trưng bởi xuất siêu của Việt Nam sang Lào (Xem Bảng 2.). Đến lúc này, toàn tuyến biên giới hai nước đã có 9 cửa khẩu quốc tế đi kèm với 9 Khu kinh tế cửa khẩu được thành lập, 6 cửa khẩu chính, 18 cửa khẩu phụ cùng 27 lối mở dọc chiều dài đường biên hơn 2.337 km, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hai nước gia tăng hàng năm. Đáng chú ý là từ 2018 đến nay, ngành thương mại hai nước đã tổ chức được hai hội nghị quan trọng là *Hội nghị hợp tác phát triển thương mại biên giới giữa hai nước lần thứ XI* (tại Quảng Bình) vào năm 2018 và *lần thứ XII* (tại Vientiane) vào tháng 4/2022 với sự tham gia đầy đủ của 20 tỉnh biên giới Việt Nam - Lào, góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại nói chung và thương mại biên giới giữa hai nước nói riêng, đạt được những bước phát triển mới mang tính bền vững hơn (Xem Bảng 2).

Bảng 2. Kim ngạch thương mại Việt - Lào giai đoạn 2016 - 2021 (triệu USD):

Năm	Tổng kim ngạch	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Chênh lệch XNK
2016	824,91	477,80	347,11	+ 130,69
2017	888,91	518,30	370,61	+ 147,69
2018	1.033,66	595,20	438,46	+ 156,74
2019	1.164,58	702,22	462,36	+ 239,86
2020	1.029,89	571,75	458,14	+ 113,61
2021	1.372,69	594,71	777,98	- 183,27
2016-2021	6.314,64	3.459,98	2.854,66	

Nguồn: *Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2022.*

Bảng số liệu được tổng hợp từ <https://infographics.vn/interactive-kim-ngach-thuong-mai-song-phuong-viet-nam-lao/73961.vna>; truy cập ngày 12/09/2022.

Nhìn vào Bảng 2. dưới đây, chúng ta thấy từ năm 2016 đến 2021, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa song phương Việt Nam - Lào đạt 6.314,64 triệu USD, bình quân mỗi năm là 1.052,44 triệu USD, trong đó cán cân thương mại nghiêng về phía Việt Nam. Do tác động của đại dịch Covid-19, năm 2020 kim ngạch thương mại giữa hai nước giảm khoảng 11,5% so với năm 2019. Tuy nhiên, bước sang 2021, kim ngạch thương mại hai chiều tăng 33,3% so với năm 2020, đạt hơn 1,37 tỷ USD.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, trao đổi hàng hóa giữa hai nước đạt 824,01 triệu USD; trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Lào đạt 309,43 triệu USD và nhập khẩu từ Lào 514,58 triệu USD, tăng khoảng 45,4% so với cùng kỳ năm trước⁽¹⁰⁾. Dự báo nếu không có gì trở ngại, thương mại giữa hai bên có thể tăng gấp đôi để đạt tới con số khoảng 1,648 tỷ USD cho cả năm 2022. Nhìn chung, các mặt hàng chủ yếu của Việt Nam xuất khẩu sang Lào gồm có: sắt thép và sản phẩm từ sắt thép, phương tiện vận tải và phụ tùng, dây và cáp điện, máy móc-thiết bị-dụng cụ và phụ tùng đi kèm, xi măng, phân bón các loại, các sản phẩm chất dẻo, rau quả...; và nhập khẩu chủ yếu từ Lào các hàng hóa như: cao su, gỗ và sản phẩm từ gỗ, phân bón các loại, rau quả, quặng và khoáng sản, kim loại thường và các hàng hóa khác.

Như vậy, có thể thấy, quan hệ thương mại Việt - Lào trải qua nhiều năm liên tục tăng trưởng đều đặn do có sự thúc đẩy từ cả hai phía. Tuy nhiên, tổng kim ngạch buôn bán giữa hai bên vẫn chưa có bước đột phá khi kim ngạch song phương vẫn chưa chạm tới mức 2 tỷ USD/năm như kỳ vọng từ nhiều năm trước. Hiện nay, hai

bên đang đàm phán để tiến tới ký kết *Bản Ghi nhớ về phát triển và kết nối hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam - Lào*; hoàn tất đàm phán, sửa đổi và bổ sung *Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào năm 2015* cho phù hợp với tình hình mới⁽¹¹⁾.

2. Hợp tác về đầu tư

Trong suốt nhiều năm sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1962, hoạt động về đầu tư giữa hai nước vẫn chưa có do điều kiện chiến tranh ác liệt và khó khăn về nhiều mặt. Bắt đầu từ 1989, một năm sau khi Luật đầu tư nước ngoài được nhà nước Lào thông qua (1988), hoạt động đầu tư của Việt Nam tại Lào mới manh nha với số vốn không đáng kể. Bước vào đầu thập niên 1990 thế kỷ XX, khi Việt Nam và Lào bắt đầu công cuộc cải cách kinh tế và mở cửa đất nước, Việt Nam mới tiến hành đầu tư sang Lào với 3 dự án nhỏ lẻ ban đầu với tổng số vốn khoảng 2,8 triệu USD trong suốt 5 năm 1994-1998⁽¹²⁾.

Năm 1999, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 22/1999/NĐ-CP ngày 14/04/1999 về quy định đầu tư ra nước ngoài. Trên cơ sở Nghị định này, các bộ ngành liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể như: Thông tư số 01/2001/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 19/01/2001 hướng dẫn việc quản lý ngoại hối đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài; Thông tư số 05/2001/TT-BKH&ĐT ngày 30/08/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về hướng dẫn hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Đây là những văn bản đầu tiên, cùng với một số văn bản pháp luật khác, đã tạo ra khung pháp lý cần thiết để quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp

Việt Nam. Tuy vậy, từ năm 1999 đến 2004, Việt Nam chỉ có 26 dự án đầu tư tại Lào với tổng số vốn đăng ký hơn 15,6 triệu USD⁽¹³⁾.

Bắt đầu từ năm 2005, đầu tư của Việt Nam sang Lào mới thực sự bùng nổ với nhiều dự án đầu tư lớn được cấp phép như: trồng cao su ở Nam Lào, xây dựng đập thủy điện, thăm dò và khai thác khoáng sản, làm đường giao thông... với tổng số vốn đăng ký đạt hơn 1,852 tỷ USD được phân bổ qua 118 dự án trong khoảng thời gian từ 2005 đến 2008⁽¹⁴⁾.

Trong hai năm 2009 - 2010, do chịu tác động tiêu cực từ kinh tế toàn cầu nên đầu tư của Việt Nam sang Lào suy giảm. Tuy vậy, từ 2011 đến 2012 đầu tư của Việt Nam sang Lào lại khởi sắc với 172 dự án được cấp phép có tổng số vốn đăng ký đạt 686.994.305 USD; trong đó năm 2011 có 163 dự án với số vốn trên 480 triệu USD, năm 2012 có 9 dự án và 206,99 triệu USD vốn đăng ký.

Từ năm 2013 về sau, đầu tư của Việt Nam sang Lào càng gia tăng về số dự án và quy mô vốn, đặc biệt tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như khai khoáng, thủy điện, trồng cao su, xây dựng sân golf, kinh doanh bất động sản, dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, v.v. Đáng chú ý là những năm từ 2013 đến 2018 nhiều dự án có số vốn đầu tư khá lớn và đạt doanh thu khá cao⁽¹⁵⁾. Trong hai năm 2019 - 2020, do tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, đầu tư Việt Nam sang Lào bị chững lại do không thực hiện được. Tuy vậy, bước sang năm 2021, Việt Nam có 5 dự án mới được cấp phép và 4 dự án điều chỉnh tăng vốn, với số vốn đăng ký đạt 118,3 triệu USD⁽¹⁶⁾. Tính đến năm 2022,

theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Lào là quốc gia đứng thứ nhất trong số 78 quốc gia và vùng lãnh thổ mà Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, với 237 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đạt 5,34 tỷ USD, đứng thứ ba trong số các nhà đầu tư tại Lào (sau Trung Quốc và Thái Lan)⁽¹⁷⁾. Đáng chú ý gần đây, trong khuôn khổ cuộc Tọa đàm doanh nghiệp Việt Nam - Lào diễn ra tại thủ đô Vientiane tháng 03/2022, hai Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam và Lào đã ký kết hai bản thỏa thuận về hợp tác đầu tư trong xây dựng tuyến Đường sắt Vientiane - Vũng Áng và phát triển năng lượng dọc biên giới Việt - Lào để sản xuất điện và truyền tải bán điện về Việt Nam⁽¹⁸⁾.

Nhìn chung, hợp tác về đầu tư giữa Việt Nam và Lào ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trong lĩnh vực hợp tác quan trọng này, các doanh nghiệp Việt được ghi nhận đã đóng góp một phần không nhỏ vào thu ngân sách hàng năm của Chính phủ Lào; đồng thời tạo ra hàng ngàn việc làm cho lao động người Lào trong hoạt động của các dự án⁽¹⁹⁾.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả khá quan trọng, nhưng hợp tác về đầu tư giữa hai nước vẫn còn nhiều hạn chế mà hai phía cần trao đổi thẳng thắn để có các nhóm giải pháp hợp lý để khắc phục. Trước hết, đó là việc cần thiết bảo đảm duy trì liên tục ổn định kinh tế vĩ mô của mỗi bên để tạo thuận lợi cho hợp tác đầu tư. Cả hai cần tạo lập hành lang pháp lý ổn định, minh bạch và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi nhằm củng cố niềm tin của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Hai bên cần có cơ chế đặc thù cho một số dự án trọng điểm

có tính chiến lược đòn bẩy trong quan hệ hợp tác đầu tư giữa hai nước. Bên cạnh đó, có nhiều tồn đọng, khó khăn vướng mắc của một số dự án đầu tư quy mô lớn của phía Việt Nam mà phía Lào cần nỗ lực tập trung tháo gỡ để giải quyết thỏa đáng quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Ngoài ra, phía Việt Nam cần tập trung nguồn lực để đẩy nhanh thực hiện các dự án đúng tiến độ, đồng thời luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội đối với cộng đồng cư dân nơi dự án triển khai.

3. Về viện trợ kinh tế

Quan hệ viện trợ kinh tế Việt Nam - Lào có vai trò đặc biệt quan trọng trong mối quan hệ song phương giữa hai nước. Mặc dù tiềm lực kinh tế có hạn, nhưng hàng năm Việt Nam vẫn dành một khoản viện trợ không hoàn lại cho Lào với số vốn và các dự án đi kèm được xác định cụ thể thông qua việc ký kết Hiệp định hàng năm giữa hai Chính phủ.

Viện trợ của Việt Nam dành cho Lào trong những năm đầu sau khi hai nước ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (07/1977) thường chú trọng ưu tiên trước hết cho phát triển nông nghiệp và nông thôn Lào, xây dựng hệ thống thủy nông, đường giao thông; các cơ sở hạ tầng thiết yếu như: cầu cống, bệnh viện, trường học, cơ sở sản xuất, công sở... Tuy nhiên, càng về sau, đào tạo nguồn nhân lực cho Lào tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng Việt Nam (gồm cả lĩnh vực quốc phòng và an ninh) chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu viện trợ.

Trong những năm 90 của thế kỷ trước, vốn viện trợ Việt Nam dành cho Lào chỉ đạt mức bình quân trên dưới khoảng 130

- 140 tỷ đồng/năm⁽²⁰⁾. Bước sang thế kỷ XXI, viện trợ kinh tế của Việt Nam dành cho Lào theo Hiệp định mà hai nước ký kết hàng năm nhìn chung tăng dần. Gần đây, trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2022, vốn viện trợ Việt Nam dành cho Lào đạt 3.080 tỷ đồng, bình quân mỗi năm là 770 tỷ đồng⁽²¹⁾ (đó là chưa kể số vốn phát sinh ngoài Hiệp định và số vốn chưa được giải ngân từ năm trước chuyển sang năm sau).

Một đặc điểm chung đã trở thành thông lệ, đó là vốn viện trợ không hoàn lại hàng năm của Việt Nam dành cho Lào được bố trí thực hiện thông qua hàng chục dự án lớn nhỏ cụ thể trong cơ cấu kinh tế quốc dân của nước CHDCND Lào được hai bên xác định và ký kết bằng văn bản chính thức. Từ danh mục các dự án này, vốn được hai bên thống nhất bố trí triển khai thực hiện. Ví dụ, những năm gần đây, nhiều công trình thuộc cơ sở hạ tầng giáo dục tại Lào đã được xây mới hoặc sửa chữa bằng vốn ODA của Việt Nam và chúng nằm trong kế hoạch hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào giai đoạn 2016-2020 như: Dự án xây dựng Khoa tiếng Việt tại Đại học Xuphanuvông ở cố đô Luang Prabang và Khoa tiếng Việt tại Đại học Champasac thuộc tỉnh Chmpasac; Dự án xây dựng Trường PTTH Hữu nghị Lào - Việt Nam tại Vientiane giai đoạn 2; Dự án cải tạo sửa chữa Ký túc xá lưu học sinh nước ngoài tại Trường Đại học Quốc gia Lào ở thủ đô Vientiane, v.v. Tất cả 4 dự án này có vốn đầu tư hơn 110 tỷ đồng trong đó phần lớn là lấy từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào⁽²²⁾. Có thể kể tên rất nhiều công trình quan trọng ở Lào có ý nghĩa to lớn về mặt kinh tế - xã

hội đã được xây dựng bằng tiền vốn viện trợ không hoàn lại của Việt Nam mà tiêu biểu gần đây nhất là việc khánh thành và đưa vào sử dụng công trình Tòa nhà Quốc hội Lào tại thủ đô Vientiane trị giá 112 triệu USD (08/2021).

Nhìn chung, giá trị vốn ODA hàng năm của Việt Nam dành cho Lào có thể không quá lớn nếu so với một số đối tác viện trợ khác của Lào như Nhật Bản hoặc Trung Quốc. Tuy nhiên, đây là số vốn kịp thời hàng năm đã hỗ trợ đắc lực cho Lào trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và góp phần tích cực trong xóa đói giảm nghèo ở Lào.

4. Các thách thức chủ yếu trong hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào

Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào có lịch sử gắn bó lâu dài qua nhiều năm và đạt được khá nhiều thành tựu về vang nhưng cũng đang đối diện với không ít thách thức từ nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau trong hợp tác song phương. Ở tầm vĩ mô và dài hạn, hợp tác kinh tế giữa hai nước gặp một số thách thức chủ yếu như sau.

Trước hết, đó là trình độ phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ của hai nước nhìn chung còn thấp, nên cả hai chưa có đủ nguồn lực cần thiết để hỗ trợ đắc lực cho nhau trong phát triển kinh tế - xã hội. Hơn nữa, trình độ quản lý kinh tế của hai nước còn nhiều hạn chế nên cả hai phía còn dễ thất thoát và lãng phí nhiều nguồn lực trong phát triển kinh tế; từ đó hạn chế khả năng hấp dẫn và thu hút lẫn nhau trong hợp tác ở nhiều lĩnh vực cụ thể. Ở đây, các giải pháp cấp bách đối với cả hai nước là cần tận dụng tối đa mọi cơ hội từ

bên trong và bên ngoài để phát triển tiềm lực tổng hợp quốc gia và nội lực của nền kinh tế quốc dân; tăng cường hợp tác, trao đổi giao lưu giữa các bộ ngành, địa phương, giữa các đối tác kinh tế của hai bên nhằm học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ, kỹ năng quản lý kinh tế của mỗi nước.

Thứ hai, thách thức về cơ sở hạ tầng giao thông kết nối giữa hai nước, nhất là cơ sở hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu còn nhiều yếu kém, hạ tầng logistics của hai bên chưa được kết nối đồng bộ... đã hạn chế hợp tác về đầu tư và thương mại giữa hai nước. Các giải pháp cấp thiết ở đây là tăng cường kết nối hạ tầng giao thông đường bộ (cả đường sắt trong tương lai) và hạ tầng logistics từ hai phía; thúc đẩy và thu hút đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng kinh tế cửa khẩu của hai bên nhằm gia tăng trao đổi thương mại và thu hút đầu tư từ cả hai phía với nhau.

Thứ ba, đó là thách thức trong cơ chế, chính sách hợp tác kinh tế và thu hút đầu tư giữa hai nước. Dù rất gần gũi nhau về mặt địa lý và tương đồng về lý tưởng chính trị nhưng hai nước vẫn chưa phải là đối tác kinh tế lớn nhất của nhau. Vì vậy, hai bên cần tăng cường phối hợp, tham khảo lẫn nhau để có các cơ chế chính sách đồng bộ và cụ thể hóa trong mọi lĩnh vực hợp tác. Hai bên cần tiếp tục dành ưu tiên ưu đãi cao nhất cho nhau trong hợp tác thương mại và đầu tư. Cần tăng cường cải thiện môi trường pháp lý từ cả hai phía theo hướng thông thoáng và đồng bộ hóa trong cơ chế chính sách thu hút đầu tư và trao đổi thương mại nhằm phù hợp với mục đích, chủ trương kết nối tối đa hai nền kinh tế với nhau mà hai phía đã theo đuổi trong nhiều năm qua.

Thứ tư, thách thức trong cạnh tranh về thương mại và đầu tư với hai đối tác kinh tế chủ yếu của Lào là Thái Lan và Trung Quốc. Hiện nay Thái Lan là đối tác thương mại số một của Lào. Còn Trung Quốc là đối tác đầu tư lớn nhất và là đối tác thương mại chiếm vị trí thứ hai trong buôn bán với Lào. Mặc dù Việt Nam có quan hệ chính trị ngoại giao tốt nhất với Lào nhưng chỉ đứng vị trí thứ ba trong quan hệ thương mại và đầu tư với Lào so với hai đối tác trên. Đây là thách thức to lớn và lâu dài mà Việt Nam không dễ vượt qua. Thách thức này đòi hỏi Việt Nam cần hết sức nỗ lực về mọi mặt để tăng cường tiềm lực kinh tế, năng lực sản xuất và chất lượng hàng hóa nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam tại địa bàn Lào.

Kết luận

Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong tổng thể mối quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt giữa hai nước. Có thể nói, kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (1962), đặc biệt là từ khi hai nước ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (1977), quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong cả ba lĩnh vực hợp tác chủ yếu là quan hệ thương mại, hợp tác đầu tư và viện trợ kinh tế không hoàn lại. Nếu xem quan hệ chính trị ngoại giao Việt Nam - Lào có vai trò như là các nhân tố dẫn dắt chỉ đường, thì hợp tác kinh tế toàn diện giữa hai bên được coi là bệ đỡ vững chắc để thúc đẩy quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa hai nước liên tục phát triển lên các đích cao hơn về sau nhằm đáp ứng lợi ích thiết thân, lâu dài của hai nước. Tuy vậy, quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai bên vẫn còn gặp nhiều

khó khăn, hạn chế chủ yếu do nội lực còn yếu kém từ cả hai phía. Để khắc phục những hạn chế tồn tại này đòi hỏi hai nước cần phải nỗ lực không ngừng nhằm phát huy tối đa nội lực của từng nước và tận dụng hiệu quả nguồn vốn từ bên ngoài để thực hiện thành công sự nghiệp công hóa và hiện đại hóa; từ đó giúp tạo thêm động lực và tiền đề cho thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện về kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai nước ./

CHÚ THÍCH

1. Hiệp định về Lào được ký ngày 23/7/1962 tại Hội nghị quốc tế về Lào ở Giơnevơ (Thụy Sĩ) sau 15 tháng đàm phán (từ tháng 5/1961 đến tháng 7/1962). Tham dự hội nghị quốc tế này có đại diện của Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc, Miến Điện (Myanmar), Ấn Độ, Ba Lan, Canada, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thái Lan, Campuchia, Chính quyền Ngô Đình Diệm và đại diện ba phái của Chính phủ Liên hiệp Vương quốc Lào. Nội dung Hiệp định 1962 về Lào gồm hai văn kiện: Tuyên bố về nền trung lập của Lào và Nghị định thư kèm theo. Theo đó, các bên tham gia ký kết Hiệp định thống nhất về nội dung của bản Tuyên bố, công nhận và tôn trọng chủ quyền, độc lập, trung lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào; cam kết tuân thủ nguyên tắc và điều kiện liên quan đến nền độc lập và trung lập của Lào.
2. Việt Nam và Lào ký *Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới và Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền* vào tháng 3/2016, kết thúc sau 7 năm thực hiện công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới giữa hai nước; theo đó, chiều dài thực tế đường biên giới Việt Nam - Lào được công bố chính thức là 2.337,459 km, đi qua 10 tỉnh của Việt Nam và 10 tỉnh của Lào. Điểm khởi đầu là giao điểm ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc ở phía bắc và điểm kết thúc là giao điểm ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia ở phía nam. (<http://www.bao-tainguynemoitruong.vn/tai-nguyen-va-cuoc-song/201701/bien-gioi-viet-lao-va-chuyen->

- nhung-nguoi-phan-gioi-cam-moc-2777014/; truy cập ngày 09/08/2022).
3. Về phía Việt Nam, đó là các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum, với diện tích tự nhiên khoảng 154.000 km². Về phía Lào, các tỉnh giáp biên với Việt Nam là: Phongsaly, Luang Prabang, Huaphan, Xiengkhoang, Bolykhamxay, Khammuon, Savanakheth, Salavan, Sekong và Attapư.
 4. Trương Duy Hòa, 2013, *Quan hệ đầu tư và thương mại Việt Nam - Lào: Thực trạng và một số kiến nghị*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11/2013; tr. 29-39.
 5. Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2022 (tổng hợp số liệu từ trang Website: <https://infographics.vn/interactive-kim-ngach-thuong-mai-song-phuong-viet-nam-lao/73961.vna>; truy cập ngày 12/09/2022).
 6. Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2022 trong tài liệu đã dẫn (tldd) ở trên.
 7. Tổng cục Thống kê, Tổng cục hải quan Việt Nam, 2022; tldd.
 8. “*Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào*”, ký tại Thủ đô Viêng Chăn ngày 3/3/2015, gồm 6 chương và 16 điều; trong đó: Chương 1: Mục tiêu và nguyên tắc; Chương 2: Tiếp cận thị trường; Chương 3: Tạo thuận lợi hóa thương mại; Chương 4: Thương mại biên giới; Chương 5: Xúc tiến thương mại; và Chương 6: Tổ chức thực hiện.
 9. “*Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam - Lào*”, ký ngày 27/6/2015 tại TP. Vinh, tỉnh Nghệ An; truy cập trên trang Website <http://infonet.vn/vietnam-lao-ky-ket-hiep-dinh-thuong-mai-bien-gioi-post167608.info>, ngày 9/8/2022.
 10. Xem: <https://www.vietnamplus.vn/kim-ngach-thuong-mai-vietlao-tang-cao-trong-nua-dau-nam-2022/807468.vnp>, truy cập ngày 20/09/2022.
 11. “*Thỏa thuận về Kế hoạch hợp tác giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào năm 2022*”, xem trong Điều 3. Hợp tác kinh tế, mục 2. Hợp tác về thương mại.
 12. Trương Duy Hòa, 2013, *Quan hệ đầu tư và thương mại Việt Nam - Lào...*, tài liệu đã dẫn ở chú thích 12 trên đây; tr. 30.
 13. Trương Duy Hòa, 2013, *Quan hệ đầu tư và thương mại Việt Nam - Lào...*, tldd; tr. 30.
 14. Trương Duy Hòa, 2013, *Quan hệ đầu tư và thương mại Việt Nam - Lào...*, tldd; tr.30-31.
 15. Đó là một số dự án như: 1) Dự án phức hợp đầu tư vào sân Golf Viêng Chăn của Công ty Golf Long Thành (Việt Nam) được triển khai từ năm 2013 trên một diện tích khoảng 557,4 ha có nhiều hạng mục bất động sản đi kèm thuộc khu vực Đông-phô-xi có số vốn gần 1 tỷ USD; 2) Dự án thủy điện Xê-ka-mán 3 của Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào có vốn đầu tư tăng lên tới 311,7 triệu USD, công suất 250 MW cho sản lượng điện trung bình 1,1 tỷ Kwh/năm; 3) Dự án chế biến muối mỏ kali tại tỉnh Khăm-muộn của Tổng Công ty Hóa chất có vốn đầu tư 522 triệu USD được khởi công xây dựng năm 2015; 4) Dự án viễn thông của Tập đoàn Viettel liên doanh với hãng Lao Asia Telecom (có vốn đầu tư 83,7 triệu USD) đã cho ra thương hiệu Unitel tại Lào, tính lũy kế sau 7 năm kinh doanh tại thị trường Lào (tính đến 2016) đã có doanh thu cán mốc gần 1 tỷ USD; 5) Các dự án trồng cao su và các loại cây công nghiệp của Tập đoàn Cao su Việt Nam, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai và một số doanh nghiệp khác...
 16. <https://baochinhphu.vn/viet-nam-lao-se-trien-khai-nhieu-du-an-dau-tu-quy-mo-lon-102220321190636378.htm>, truy cập ngày 18/08/2022.
 17. <https://www.vietnamplus.vn/thuc-day-hop-tac-dau-tu-viet-nam-lao-dat-buoc-dot-pha-moi/779356.vnp>; truy cập ngày 05/10/2022.
 18. <https://vneconomy.vn/viet-lao-thoa-thuan-hop-tac-dau-tu-xay-dung-ha-tang-giao-thong-va-nang-luong.htm>; truy cập ngày 05/10/2022.
 19. Trong 5 năm gần đây (2017-2022), các doanh nghiệp Việt Nam đã đóng góp vào thu ngân sách của Lào hơn 1 tỷ USD và hỗ trợ cho hoạt động an sinh ở Lào hơn 80 triệu USD (<https://bnews.vn/doanh-nghiep-viet-nam-quan-tam-dau-tu-vao-lao-ve-nong-nghiep-kinh-te-so-ha-tang/228269.html>); truy cập ngày 30/09/2022.
 20. Trương Duy Hòa (2017), *Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào giai đoạn 2012-2017*; Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10/2017; tr. 8.
 21. Theo Hiệp định đã ký hàng năm giữa hai Chính phủ Việt Nam và Lào, vốn viện trợ không hoàn lại hàng năm của Việt Nam dành cho Lào (chưa kể vốn phát sinh, hoặc vốn tổn đọng từ năm trước buộc phải chuyển sang năm sau) trong những năm gần đây cụ thể như sau: năm 2019: 707 tỷ đồng; năm 2020: 928 tỷ đồng; năm 2021: 715 tỷ đồng; năm 2022: 730 tỷ đồng (nguồn số liệu tham khảo được lấy từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam).
 22. Xem: <https://nhandan.vn/viet-nam-giup-lao-xay-dung-co-so-ha-tang-giao-duc-post344317.html>; truy cập ngày 30/09/2022.